

Số 375/QĐ-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học hình thức Thường xuyên (VLVH) năm 2026 của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Nghị quyết số 1548/NQ-TDĐTĐN ngày 06/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc ban hành Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2025 – 2026;

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng tuyển sinh đại học ngày 06/3/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh đại học hình thức Thường xuyên (VLVH) năm 2026 của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2026.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục, trưởng các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ GDĐH – Bộ GD&ĐT (b/c);
- Vụ KHCN&TMT – Bộ VHTTDL (b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Website Trường;
- Lưu: VT; ĐTBĐCLGD.



Phan Thanh Hải

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

Hình thức đào tạo: Thường xuyên (Vừa làm vừa học)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ-TDĐTĐN ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

2. Mã trường trong tuyển sinh: TTD

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Trụ sở chính: Số 44 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng

- Cơ sở 2: Số 122 Hoàng Minh Thảo, phường Hòa Khánh, TP Đà Nẵng

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://dsu.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0915090123; 0973427101; Email: tuyensinh.ttd@gmail.com.

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; quy chế thi năng khiếu; thông tin tuyển sinh; đề án tổ chức thi năng khiếu: <https://dsu.edu.vn/tuyensinh>;

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường

<https://dsu.edu.vn/cong-khai-chat-luong>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THƯỜNG XUYÊN (VLVH)

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng: Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định đối với chương trình đào tạo của ngành đăng ký dự tuyển;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (không mắc các bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh..., không bị dị hình, dị tật, khuyết tật). Sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học Trường sẽ tổ chức khám sức khỏe, nếu thí sinh có kết luận của cơ quan y tế không đủ khả năng học tập vì lý do sức khỏe và bệnh lý thì thí sinh không đủ điều kiện theo học tại Trường.;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

d) Có kết quả điểm thi môn năng khiếu do Trường tổ chức;



(Handwritten mark)

2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Kết hợp xét tuyển và thi tuyển

2.1. Các phương thức xét tuyển

a) Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (mã 301)

Đối tượng xét tuyển thẳng:

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

b) Xét kết quả điểm thi THPT và điểm thi năng khiếu TDTT (mã 405)

c) Xét kết quả điểm học tập THPT (học bạ cả năm các lớp 10,11,12) và điểm thi năng khiếu TDTT (mã 406)

2.2. Tổ hợp xét tuyển: Áp dụng chung cho tất cả các phương thức, bao gồm các Tổ hợp sau:

- Tổ hợp 1 (mã T00): Toán – Sinh học – NK1
- Tổ hợp 2 (mã T02): Toán – Ngữ văn – NK1
- Tổ hợp 3 (mã T03): Ngữ văn – Sinh học – NK1
- Tổ hợp 4 (mã T05): Ngữ văn – GDKTPL(*) – NK1
- Tổ hợp 5 (mã T08): Toán – GDKTPL(*) – NK1

(*) GDKTPL: Giáo dục kinh tế và pháp luật, thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 trở về trước môn GDKTPL = Giáo dục công dân (GDCC).

NK1: Năng khiếu chung

2.3. Điều kiện áp dụng đối với một số đối tượng:

a) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước, nếu có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào các ngành theo Phương thức xét tuyển kết quả điểm thi THPT và điểm thi năng khiếu TDTT (mã 405) phải đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với các môn văn hoá tương ứng theo tổ hợp xét tuyển;

b) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước, nếu có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất theo Phương thức sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ) và điểm thi môn năng khiếu TDTT (mã 406), phải đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với các môn văn hoá tương ứng theo tổ hợp xét tuyển.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào

a) Điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển không thực hiện quy đổi khi xác định ngưỡng đầu vào;

THỂ
TH
ĐA
IẾ D
ĐA
08

b) Điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT được quy đổi tương đương với điểm các môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo phương pháp nội suy tuyến tính, bảo đảm tương đương về mức độ đánh giá năng lực thí sinh và thực hiện trên cùng thang điểm xét tuyển;

c) Bảng quy đổi tương đương xác định thí sinh trúng tuyển giữa các phương thức được Hội đồng tuyển sinh Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi THPT năm 2026 và theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

3.2. Ngưỡng đầu vào

a) Đối với ngành Giáo dục thể chất

TT	Phương thức	Ngưỡng đảm bảo đầu vào
1	Xét tuyển điểm thi THPT và điểm thi năng khiếu TDTT	Thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào (điểm sàn) theo quy định của Bộ GD&ĐT và điểm môn năng khiếu (NK1) $\geq 5,0$ điểm.
2	Xét tuyển kết quả học tập THPT (<i>điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10,11,12</i>) với điểm thi năng khiếu TDTT	- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 và điểm thi THPT môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,50 điểm trở lên <i>hoặc</i> điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên. - Điểm môn năng khiếu (NK1) $\geq 5,0$ điểm.

b) Đối với ngành Huấn luyện thể thao và ngành Quản lý TDTT

TT	Phương thức	Ngưỡng đảm bảo đầu vào
1	Xét tuyển điểm thi THPT và điểm thi năng khiếu TDTT	- Tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển đạt 15,0 điểm trở lên theo thang điểm 30; đồng thời điểm thi môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm môn năng khiếu (NK1) $\geq 5,0$ điểm
2	Xét tuyển kết quả học tập THPT (<i>điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10,11,12</i>) với điểm thi năng khiếu TDTT	Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026: - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm lớp 12 và điểm thi THPT môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm môn năng khiếu (NK1) $\geq 5,0$ điểm Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước: - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm lớp 12 và điểm môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm môn năng khiếu (NK1) $\geq 5,0$ điểm

Thí sinh là vận động viên (VĐV) cấp 1, VĐV kiện tướng, VĐV đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

3.3. Điểm trúng tuyển

a) Điểm trúng tuyển của một chương trình đào tạo (đã quy đổi theo mục 3.1 sau khi có hướng dẫn của Bộ GD&ĐT) là ngưỡng điểm mà những thí sinh có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển vào các ngành và được làm tròn đến hàng phần trăm;

b) Thí sinh có điểm xét tuyển (đã quy đổi) từ bằng đến cao hơn điểm trúng tuyển thì đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành dự tuyển.

3.4. Cách tính điểm

a) Phương thức có sử dụng điểm thi môn năng khiếu

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{VH1}} + \text{Đ}_{\text{VH2}} + \text{Đ}_{\text{NK1}}] + \text{Đ}_{\text{UT}}$$

Trong đó: Đ_{VH} : Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển điểm thi THPT hoặc điểm học tập THPT (học bạ), điểm học bạ được tính như sau:

$\text{Đ}_{\text{VH}} =$	$\text{ĐTBMCN}_{\text{lớp 10}} + \text{ĐTBMCN}_{\text{lớp 11}} + \text{ĐTBMCN}_{\text{lớp 12}}$
	3

(Trong đó: ĐTBMCN là điểm trung bình chung cả năm lớp 10,11,12)

Đ_{NK1} : Là điểm môn năng khiếu TDTT chung

- Điểm môn năng khiếu chấm theo thang điểm 10 của mỗi nội dung thi, tổng điểm môn NK1 là điểm trung bình cộng của các nội dung thi.

Đ_{UT} : Điểm ưu tiên = Đ_{UT} khu vực + Đ_{UT} đối tượng

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.}$

HAC
NG
OC
Ề TH
NG

4. Số lượng tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Số 44 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Số 122 Hoàng Minh Thảo, phường Hoà Khánh, thành phố Đà Nẵng; Tại các cơ sở đào tạo có liên kết đào tạo với Nhà trường.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	GDTC206TX	Cử nhân Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	120	Phương thức 1 (mã 301): Tổ hợp xét tuyển T00; T02; T03; T05; T08 Phương thức 2 (mã 405): Tổ hợp xét tuyển T00; T02; T03; T05; T08 Phương thức 3 (mã 406): Tổ hợp xét tuyển T00; T02; T03; T05; T08	
2.	QLTT301TX	Cử nhân Quản lý Thể dục thể thao	7810301	Quản lý thể dục thể thao	50		
3.	HLTT302TX	Cử nhân Huấn luyện thể thao	7810302	Huấn luyện thể thao	130		
4.	Tổng cộng số lượng tuyển sinh				300		

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trường hợp thí sinh có cùng mức điểm ở cuối danh sách trúng tuyển thì thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh lần lượt như sau:

- Ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn;
- Ưu tiên thứ tự nguyện vọng đăng ký (trường hợp nhiều thí sinh có điểm xét tuyển ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn);
- Ưu tiên thí sinh có điểm thi năng khiếu cao hơn.

5.2. Điểm cộng

a) Điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng dành cho các đối tượng thí sinh đạt được theo các tiêu chí thành tích của thí sinh khi đăng ký xét tuyển vào chương trình đào tạo của các ngành;

b) Điểm cộng được cộng trực tiếp vào điểm thi môn năng khiếu (NK1) và chỉ áp dụng đối với thí sinh là vận động viên (VĐV) thuộc diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và miễn thi năng khiếu nhưng không dùng quyền tuyển thẳng, miễn thi để tham dự thi năng khiếu và thí sinh có thành tích xuất sắc thể thao giải cấp tỉnh, thành phố để xét tuyển;

c) Thí sinh có nhiều thành tích, được xét cộng điểm thành tích ở mức cao nhất vào điểm năng khiếu (NK1) nhưng không vượt quá tối đa 10.00 điểm cho mỗi môn năng khiếu trước khi tính điểm xét tuyển. Mức điểm cộng cụ thể được áp dụng theo bảng sau:

Bảng áp dụng mức điểm cộng

TT	Mức điểm cộng	Thành tích TDTT đạt được
1	3.00	VĐV thuộc diện tuyển thẳng nhưng không dùng quyền tuyển thẳng (do đi tập huấn, thi đấu...)
2	1.50	VĐV kiện tướng, VĐV đạt huy chương Vàng – Bạc – Đồng giải Vô địch quốc gia, giải Các đội mạnh quốc gia, giải Hạng Nhất quốc gia, Giải trẻ quốc tế, VĐV cấp 1 Quốc gia
3	1.00	VĐV đạt huy chương Vàng – Bạc – Đồng giải Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc, giải Thể thao học sinh toàn quốc.
4	0.50	VĐV đạt huy chương Vàng – Bạc – Đồng giải Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh, thành phố, giải Thể thao cấp tỉnh, thành phố.

5.3. Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo

a) Nguyên tắc xét tuyển:

- Tất cả các nguyện vọng xét tuyển của thí sinh ở các phương thức đáp ứng các yêu cầu về điều kiện dự tuyển được quy định tại điểm 1.2, mục 1, phần II của Thông tin này. Mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi đảm bảo các điều kiện trúng tuyển;

- Thí sinh đáp ứng các tiêu chí xét tuyển theo chương trình đào tạo của các ngành, điểm trúng tuyển lấy từ thí sinh có điểm cao xuống thấp xét đến hết chỉ tiêu của từng ngành sau khi đã thực hiện quy đổi (nếu có);

- Thí sinh không trúng tuyển vào ngành thứ nhất sẽ được xét vào ngành thứ 2, thứ 3 khi đáp ứng mức điểm trúng tuyển ngành thứ 2, thứ 3 theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào các ngành.

b) Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo:

- Thí sinh trúng tuyển ngành đào tạo nào thì học theo chương trình đào tạo của ngành đó theo quyết định của Hiệu trưởng Trường;

- Thí sinh trúng tuyển ngành Giáo dục thể chất khi nhập học phải đăng ký học theo các chuyên ngành do Trường tổ chức và không được chuyển qua các ngành khác;

- Đối với ngành Huấn luyện thể thao, Quản lý TDTT số lượng thí sinh trúng tuyển không đủ số lượng thí sinh đã đăng ký thi theo từng môn để mở lớp chuyên ngành theo quy định, việc tổ chức đào tạo, điều chỉnh hoặc chuyển thí sinh sang các chuyên ngành khác thuộc ngành Huấn luyện thể thao hoặc Quản lý TDTT do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở tham mưu đề xuất của các đơn vị chuyên môn.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian thi năng khiếu TDTT

Tổ chức thi tuyển tại Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng; Tại các cơ sở liên kết đào tạo, thời gian cụ thể theo thông báo tuyển sinh.

- Đợt 1: Từ ngày 21/8 – 22/8/2026

- Đợt 2: Dự kiến 12/9/2026

6.2. Hình thức đăng ký thi và xét tuyển

- Thời gian đăng ký thi tuyển năng khiếu TDTT: Từ tháng 03 năm 2026 đến trước 05 ngày của các đợt thi môn năng khiếu.

- Đăng ký thi năng khiếu tại link: <https://dsu.edu.vn/dang-ky-tuyen-sinh>.

6.3. Hồ sơ xét tuyển

- Bản photo Căn cước công dân;

- Bản photo Bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT *đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025 trở về trước*);

- 01 ảnh cỡ 4x6 (chụp không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

- Bản photo công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh như: con liệt sĩ, con thương binh, bộ đội xuất ngũ, đối tượng ở vùng 1, vùng đặc biệt khó khăn.... nếu thuộc trong các đối tượng này;

Đối với thí sinh là vận động viên thuộc diện xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển, ngoài hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định chung, thí sinh phải nộp bổ sung các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (theo mẫu của Bộ GD&ĐT;

- Đối với thí sinh xét tuyển thẳng: Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải thể thao quốc tế chính thức, do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận.



- Đối với thí sinh ưu tiên xét tuyển và thí sinh được cộng điểm: Bản sao có chứng thực Quyết định công nhận đẳng cấp Kiện tướng, cấp 1 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm; giấy chứng nhận đạt huy chương Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải thể thao cấp quốc gia, quốc tế, giải trẻ quốc gia, quốc tế, giải thể thao học sinh toàn quốc, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, thành phố, Giải thể thao cấp tỉnh, thành phố.

6.4. Nội dung thi tuyển môn năng khiếu TDTT

TT	Ngành	Nội dung thi
1	Giáo dục thể chất	1) Bật xa tại chỗ (cm) 2) Chạy 100m (giây)
2	Huấn luyện thể thao	
3	Quản lý TDTT	

Cách thức thực hiện nội dung thi năng khiếu được quy định chi tiết trong Đề án thi năng khiếu tại địa chỉ: <https://dsu.edu.vn/tuyensinh>

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Ưu tiên theo khu vực và đối tượng

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT, được xác định từ Hệ thống đăng ký thi tốt nghiệp THPT quốc gia <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> và Hệ thống trang nghiệp vụ tuyển sinh chung <http://nghiepvu.thituyensinh.vn> (nếu có)...

7.2. Đối tượng xét tuyển thẳng

Áp dụng đối với thí sinh đảm bảo đủ điều kiện tuyển thẳng theo khoản 1,2 Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT thể hiện ở Phương thức 1 (mã 301) tại điểm 2.1, mục 2 phần II của Thông tin này.

7.3. Đối tượng ưu tiên xét tuyển (miễn thi năng khiếu và đạt 10 điểm)

Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

7.4. Đối tượng được cộng điểm

Thực hiện theo điểm 5.2, mục 5 của phần II Thông tin này đối với các đối tượng thuộc diện cộng điểm vào điểm thi năng khiếu.

8. Mức thu phí dịch vụ tuyển sinh

- Lệ phí xét tuyển thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Lệ phí thi môn năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh.
- Lệ phí xét tuyển thẳng, UTXT, miễn thi NK: 30.000 đồng/thí sinh.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp rủi ro như: (như sai nhầm thành tích năng khiếu, mức điểm các môn, điểm ưu tiên bị nhầm lẫn hoặc sai lệch

so với bản gốc; hồ sơ, giấy báo dự thi thất lạc...).

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí: Thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định chính sách học phí, miễn, giảm hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Học phí toàn khoá học dự kiến như sau:

Hệ đào tạo	Đơn giá (đồng/năm học/sinh viên)			
	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029 - 2030
Đại học VLVH	24.800.000	28.100.000	31.700.000	35.900.000

Ngoài học phí trên sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm tai nạn và các khoản thu khác theo quy định chung của Nhà nước.

10.2. Các nội dung khác

Thí sinh đã có kết quả thi năng khiếu TDTT (NK1) của chương trình đào tạo chính quy đáp ứng ngưỡng đảm bảo đầu vào môn NK1 được chuyển kết quả từ hình thức chính quy sang hình thức thường xuyên (VLVH); Thí sinh có kết quả thi đợt năng khiếu đợt 1 nhưng chưa tham gia xét tuyển được sử dụng kết quả điểm thi năng khiếu để xét tuyển các đợt tiếp theo nếu đảm bảo ngưỡng đầu vào.

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC THƯỜNG XUYÊN (VLVH)

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

a) Đối tượng

Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng TDTT, cao đẳng sư phạm TDTT; cao đẳng sư phạm ngành giáo dục thể chất; tốt nghiệp cao đẳng các ngành: Sư phạm Thể dục – Kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm Thể dục – Công tác đoàn đội, Sư phạm Thể dục – Sinh...

b) Điều kiện dự tuyển

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (không mắc các bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh..., không bị dị hình dị tật, khuyết tật).
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

a) Xét tuyển kết quả học tập cao đẳng, đại học:

b) Xét kết quả học tập trung học phổ thông (học bạ) theo các tổ hợp môn:

Tổ hợp xét tuyển:

Tổ hợp 1 (B01): Toán – Sinh học – Lịch sử

Tổ hợp 2 (B03): Toán – Ngữ văn - Sinh học

Tổ hợp 3 (C01): Toán – Ngữ văn – Vật lý

Tổ hợp 4 (C06): Ngữ văn – Vật lý – Sinh học

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào: Không

3.2. Ngưỡng chất lượng đảm bảo đầu vào

Ngưỡng đầu vào áp dụng một trong các tiêu chí sau đây:

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên;

Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn, ngưỡng đầu vào do Trường quy định.

3.3. Điểm trúng tuyển

a) Điểm trúng tuyển là ngưỡng điểm mà những thí sinh có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm;

b) Thí sinh có điểm xét tuyển từ bằng đến cao hơn điểm trúng tuyển thì đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành dự tuyển.

3.4. Cách tính điểm

a) Điểm xét tuyển kết quả học tập cao đẳng, đại học:

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{TBCĐ,ĐH}}]$$

Trong đó: $\text{Đ}_{\text{TBCĐ,ĐH}}$: Là điểm trung bình chung kết quả học tập bậc cao đẳng, đại học.

b) Điểm xét tuyển trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT:

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{TBC}}]$$

Trong đó: Đ_{TBC} : Là điểm trung bình chung kết quả học tập bậc THPT.

c) Điểm xét tuyển kết quả học tập THPT:

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{VH1}} + \text{Đ}_{\text{VH2}} + \text{Đ}_{\text{VH3}}]$$

Trong đó: Đ_{VH} : Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển điểm học tập THPT (học bạ), điểm học bạ được tính như sau:

$\text{Đ}_{\text{VH}} =$	$\text{Đ}_{\text{TBM CN}}^{\text{lớp 10}} + \text{Đ}_{\text{TBM CN}}^{\text{lớp 11}} + \text{Đ}_{\text{TBM CN}}^{\text{lớp 12}}$
	3

4. Số lượng tuyển sinh

Đào tạo tại Trường, số 44 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng và tại các cơ sở liên kết đào tạo với Nhà trường.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh
1.	GDXT206LT	Cử nhân Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	40	Phương thức xét kết quả học tập cao đẳng, đại học (mã 500): Phương thức xét kết quả học tập THPT (mã 406): Tổ hợp xét tuyển B01; B03; C01; C06

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trường hợp thí sinh có cùng mức điểm ở cuối danh sách trúng tuyển thì thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh lần lượt như sau:

- Ưu tiên đối với các thí sinh có điểm trung bình chung học tập cao đẳng, đại học (quy đổi về thang 10);
- Ưu tiên (trường hợp nhiều thí sinh có điểm xét tuyển ở cuối danh sách và có điểm trung bình chung học tập cao đẳng, đại học bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thời gian công tác lâu năm hơn);
- Ưu tiên thí sinh có điểm môn chính cao hơn trong tổ hợp xét tuyển kết quả học tập THPT thì được ưu tiên xếp cao hơn (Toán – Ngữ văn).

5.2. Tổ chức tuyển sinh

a) Thời gian xét tuyển:

- Xét tuyển đợt 1: Tháng 6 - 7/2026
- Xét tuyển đợt 2: Tháng 8 - 9/2026 (nếu còn chỉ tiêu)

b) Thời gian, hình thức nhận hồ sơ đăng ký thi và xét tuyển:

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký : Bắt đầu nhận hồ sơ đăng ký từ tháng 3 đến 30/5/2026 đối với đợt 1.

- Hình thức và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển:

- + Đăng ký trực tuyến tại website của Trường: www.dsu.edu.vn;
- + Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục - Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng, số 44 đường Dũng Sĩ Thanh Khê, Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng; ĐT: 0236.746631; Hotline: 0932591985.

- Hồ sơ đăng ký thi tuyển và xét tuyển bao gồm:



- + Phiếu đăng ký xét tuyển;
- + Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học;
- + Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT;
- + 02 ảnh cỡ 4x6 (chụp không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh như Quyết định tuyển dụng, hoặc hợp đồng lao động, con liệt sĩ, con thương binh, đối tượng ở vùng đặc biệt khó khăn.... nếu thuộc trong các đối tượng này.

6. Lệ phí xét tuyển: 350.000 đồng/thí sinh

7. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp rủi ro như: (như sai nhầm mức điểm các môn hoặc sai lệch so với bản gốc; hồ sơ, giấy báo dự thi thất lạc...).

8. Các nội dung khác

Học phí thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định chính sách học phí, miễn, giảm hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Học phí năm học 2026 – 2027 như sau:

- *Ngành Giáo dục thể chất:*

Hệ đào tạo	Đơn giá (đồng/năm học)	
	2026-2027	2027-2028
Đại học liên thông VLVH	24.800.000	28.100.000

Ngoài học phí trên sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn và các khoản thu khác theo quy định chung của Nhà nước.



9. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1.	GDTX206LT	Cử nhân Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	500	32	32	5.0/10	50	54	5.0/10
2.	GDTC206TX	Cử nhân Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	303	189	132	-	250	106	19/30
					405			18/30			18/30
					406			19/30			19/30
3.	HLTT302TX	Cử nhân Huấn luyện thể thao	7810302	Huấn luyện thể thao	405	150	50	17/30	70	-	-
					406			18/30		-	-

Cán bộ tuyển sinh



ThS Hoàng Ngọc Việt
0905502113
ngocvietupes3@gmail.com

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2026



PGS.TS Phan Thanh Hải

